

Số: 209/CĐN

Đồng Nai, ngày 19 tháng 12 năm 2017

V/v triển khai thực hiện Nghị định 141/2017/NĐ-CP của Chính phủ mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động..

Kính gửi:

- CĐCS Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai.
- CĐCS Công ty CP Bệnh viện Quốc tế Chấn Thương Chính hình Sài Gòn - Đồng Nai.
- CĐCS Công ty CP Dịch vụ Y tế - Bệnh viện Phụ sản Âu Cơ.
- CĐCS Công Ty TNHH Phòng khám Đa khoa Tam Đức.

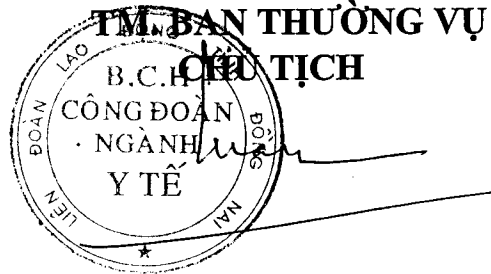
Thực hiện chỉ đạo của Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị định 141/2017/NĐ-CP của Chính phủ Quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động .

Ban Thường vụ Công đoàn ngành sao gửi Nghị định 141/2017/NĐ-CP của Chính phủ Quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động trong các CĐCS trên (đính kèm công văn).

Đề nghị các CĐCS trực thuộc triển khai thực hiện và báo cáo kết quả về Thường trực Công đoàn ngành .Trong quá trình thực hiện, có khó khăn vướng mắc, đề nghị các đơn vị kịp thời phản ánh để được hướng dẫn.

Nơi nhận:

- Như trên (thực hiện);
- website Sở Y tế;
- Lưu CĐN.



Trần Quốc Tuấn

Số: 2066/LĐLĐ

Đồng Nai, ngày 18 tháng 12 năm 2017

V/v triển khai thực hiện Nghị định số
141/2017/NĐ-CP của Chính phủ và chăm lo
đời sống cho đoàn viên, người lao động dịp
Tết Mậu Tuất-2018.

Kính gửi: - LĐLĐ các huyện, thị xã, thành phố Biên Hòa
- Công đoàn các Ngành, Viên chức, KCN và các Tổng công ty,

Vừa qua, vào ngày 07/12/2017, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 141/2017/NĐ-CP Quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động (gọi tắt là Nghị định 141/2017/NĐ-CP); có hiệu lực thi hành từ ngày 25/01/2018. Để nâng cao vai trò và trách nhiệm của tổ chức công đoàn trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động; kịp thời nắm bắt tình hình thực hiện chính sách tiền lương, tiền thưởng ở các doanh nghiệp và bảo đảm đời sống người lao động, ổn định tình hình quan hệ lao động trong dịp Tết Mậu Tuất (2018), Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh Đồng Nai đề nghị các cấp công đoàn trực thuộc thực hiện một số công việc như sau:

1. Các công đoàn cấp trên cơ sở chỉ đạo các công đoàn cơ sở trực thuộc (Điều 2-Nghị định số 141/2017/NĐ-CP) tham mưu chủ động phối hợp với người sử dụng lao động tại đơn vị trong việc xây dựng phương án điều chỉnh Quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động. Lưu ý khi thực hiện mức lương tối thiểu vùng theo quy định tại Nghị định này, doanh nghiệp không được xóa bỏ hoặc cắt giảm các chế độ tiền lương khi người lao động làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm, làm việc trong điều kiện nặng nhọc, độc hại, chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật đối với các chức danh nghề nặng nhọc, độc hại và các chế độ khác theo quy định của pháp luật lao động. Các khoản phụ cấp, bổ sung khác, trợ cấp, tiền thưởng do doanh nghiệp quy định thì thực hiện theo thỏa thuận trong hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể hoặc trong quy chế của doanh nghiệp (khoản 3 Điều 5 Nghị định 141/2017/NĐ-CP). Phương án điều chỉnh mức lương tối thiểu vùng của doanh nghiệp phải sớm công bố công khai cho người lao động được biết.

2. Từ nay đến cuối năm và trong tháng 01/2018 các CĐCS doanh nghiệp chủ động tham gia với người sử dụng lao động xây dựng và giám sát việc thực hiện kế hoạch trả lương, thưởng, các khoản phúc lợi khác, thời gian nghỉ tết nhằm đảm bảo quyền lợi của người lao động; đồng thời sớm công khai kế hoạch này để người lao động được biết và an tâm làm việc.

3. Các Công đoàn cấp trên cơ sở và doanh nghiệp cần đề xuất với chính quyền đồng cấp có kế hoạch, biện pháp giúp đỡ, hỗ trợ, tổ chức thăm hỏi, trợ cấp khó khăn cho đoàn viên và người lao động tại những doanh nghiệp đang gặp khó khăn trong sản xuất kinh doanh, chưa thanh toán kịp tiền lương, thưởng trước Tết để người lao động có điều kiện đón tết.

4. Đối với CĐCS tại doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có hiệu quả, ổn định thì cần tham gia, phối hợp với người sử dụng lao động xây dựng kế hoạch tổ chức xe đưa

về quê nghỉ tết và đón trở lại sau tết, hoặc tổ chức đăng mua vé xe, vé tàu hỗ trợ cho đoàn viên về quê đón tết.

5. Đối với CĐCS tại doanh nghiệp sản xuất kinh doanh hiện đang gặp khó khăn cần rà soát, lập danh sách đoàn viên và người lao động có hoàn cảnh khó khăn, đã nhiều năm chưa có điều kiện về quê nghỉ tết; đề nghị người sử dụng lao động và công đoàn cấp trên cơ sở tạo điều kiện, hỗ trợ có vé tàu, xe miễn phí để về quê đón tết cùng gia đình.

6. Tăng cường phối hợp với các cơ quan chức năng trên địa bàn tham gia thanh tra, kiểm tra, giám sát tình hình chấp hành pháp luật lao động của các doanh nghiệp, nhất là việc thanh toán tiền lương, tiền thưởng, không để xảy ra tình trạng nợ đọng tiền lương, tiền thưởng của người lao động. Tập hợp, nắm bắt thông tin, ý kiến của người lao động kịp thời kiến nghị với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền có biện pháp xử lý các hành vi phạm quy định tại Nghị định 141/2017/NĐ-CP.

7. Khi có phát sinh “điểm nóng” về tranh chấp lao động tập thể, đình công, có những bức xúc của tập thể người lao động về quyền, lợi ích, hợp pháp và chính đáng, công đoàn cấp trên cơ sở có trách nhiệm báo cáo kịp thời về Ban CSPL LĐLĐ tỉnh, và chủ động phối hợp với ủy ban nhân dân và các cơ quan chức năng trên địa bàn, gặp gỡ các bên liên quan có biện pháp tổ chức đối thoại, thương lượng nhằm giải quyết kịp thời những kiến nghị của đoàn viên và người lao động, đảm bảo hài hòa lợi ích các bên theo quy định Pháp luật.

8. Thường xuyên theo dõi, nắm bắt tình hình tại các doanh nghiệp trong việc thực hiện Nghị định 141/2017/NĐ-CP của Chính phủ; tiền lương, thưởng cuối năm 2017 trên địa bàn (theo biểu mẫu gửi kèm) và báo cáo nhanh trước Tết ngày 30/01/2018, báo cáo chính thức (sau Tết) trước ngày 30/2/2018 gửi về Ban Chính sách Pháp luật LĐLĐ tỉnh. Địa chỉ Email: bancsktxh@gmail.com.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị báo cáo về Ban Chính sách Pháp luật LĐLĐ tỉnh Đồng Nai để kịp thời hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy,
- UBND tỉnh
- Ban Dân vận Tỉnh ủy;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT
- Lưu: VT, Ban CSPL

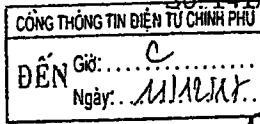


CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141/2017/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 07 tháng 12 năm 2017



NGHỊ ĐỊNH

Quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Bộ luật lao động ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định mức lương tối thiểu vùng áp dụng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động theo quy định của Bộ luật lao động.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng lao động theo quy định của Bộ luật lao động.

2. Doanh nghiệp thành lập, tổ chức quản lý và hoạt động theo Luật doanh nghiệp.

3. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân và các tổ chức khác của Việt Nam có thuê mướn lao động theo hợp đồng lao động.

4. Cơ quan, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế và cá nhân người nước ngoài tại Việt Nam có thuê mướn lao động theo hợp đồng lao động (trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Nghị định này).

Các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cơ quan, tổ chức và cá nhân quy định tại các khoản 2, 3 và khoản 4 Điều này sau đây gọi chung là doanh nghiệp.

Điều 3. Mức lương tối thiểu vùng

1. Quy định mức lương tối thiểu vùng áp dụng đối với người lao động làm việc ở doanh nghiệp như sau:

a) Mức 3.980.000 đồng/tháng, áp dụng đối với doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn thuộc vùng I.

b) Mức 3.530.000 đồng/tháng, áp dụng đối với doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn thuộc vùng II.

c) Mức 3.090.000 đồng/tháng, áp dụng đối với doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn thuộc vùng III.

d) Mức 2.760.000 đồng/tháng, áp dụng đối với doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn thuộc vùng IV.

2. Địa bàn áp dụng mức lương tối thiểu vùng được quy định theo đơn vị hành chính cấp quận, huyện, thị xã và thành phố trực thuộc tỉnh. Danh mục địa bàn áp dụng mức lương tối thiểu thuộc vùng I, vùng II, vùng III và vùng IV được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 4. Nguyên tắc áp dụng mức lương tối thiểu vùng theo địa bàn

1. Doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn nào thì áp dụng mức lương tối thiểu vùng quy định đối với địa bàn đó. Trường hợp doanh nghiệp có đơn vị, chi nhánh hoạt động trên các địa bàn có mức lương tối thiểu vùng khác nhau thì đơn vị, chi nhánh hoạt động ở địa bàn nào, áp dụng mức lương tối thiểu vùng quy định đối với địa bàn đó.

2. Doanh nghiệp hoạt động trong khu công nghiệp, khu chế xuất nằm trên các địa bàn có mức lương tối thiểu vùng khác nhau thì áp dụng theo địa bàn có mức lương tối thiểu vùng cao nhất.

3. Doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn có sự thay đổi tên hoặc chia tách thì tạm thời áp dụng mức lương tối thiểu vùng quy định đối với địa bàn trước khi thay đổi tên hoặc chia tách cho đến khi Chính phủ có quy định mới.

4. Doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn được thành lập mới từ một địa bàn hoặc nhiều địa bàn có mức lương tối thiểu vùng khác nhau thì áp dụng mức lương tối thiểu vùng theo địa bàn có mức lương tối thiểu vùng cao nhất. Trường hợp doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn là thành phố trực thuộc tỉnh được thành lập mới từ một địa bàn hoặc nhiều địa bàn thuộc vùng IV thì áp dụng mức lương tối thiểu vùng quy định đối với địa bàn thành phố trực thuộc tỉnh còn lại tại Mục 3, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 5. Áp dụng mức lương tối thiểu vùng

1. Mức lương tối thiểu vùng quy định tại Điều 3 Nghị định này là mức thấp nhất làm cơ sở để doanh nghiệp và người lao động thỏa thuận và trả lương, trong đó mức lương trả cho người lao động làm việc trong điều kiện lao động bình thường, bảo đảm đủ thời giờ làm việc bình thường trong tháng và hoàn thành định mức lao động hoặc công việc đã thỏa thuận phải bảo đảm:

a) Không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm công việc giản đơn nhất;

b) Cao hơn ít nhất 7% so với mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm công việc đòi hỏi người lao động đã qua học nghề, đào tạo nghề theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Người lao động đã qua học nghề, đào tạo nghề bao gồm:

a) Người đã được cấp chứng chỉ nghề, bằng nghề, bằng trung học chuyên nghiệp, bằng trung học nghề, bằng cao đẳng, chứng chỉ đại học đại cương, bằng đại học, bằng cử nhân, bằng cao học hoặc bằng thạc sĩ, bằng tiến sĩ theo quy định tại Nghị định số 90/CP ngày 24 tháng 11 năm 1993 của Chính phủ quy định cơ cấu khung của hệ thống giáo dục quốc dân, hệ thống văn bằng, chứng chỉ về giáo dục và đào tạo;

b) Người đã được cấp bằng tốt nghiệp trung học chuyên nghiệp, bằng tốt nghiệp đào tạo nghề, bằng tốt nghiệp cao đẳng, bằng tốt nghiệp đại học, bằng thạc sĩ, bằng tiến sĩ; văn bằng, chứng chỉ giáo dục nghề nghiệp; văn bằng giáo dục đại học và văn bằng, chứng chỉ giáo dục thường xuyên theo quy định tại Luật Giáo dục năm 1998 và Luật Giáo dục năm 2005;

c) Người đã được cấp chứng chỉ theo chương trình dạy nghề thường xuyên, chứng chỉ sơ cấp nghề, bằng tốt nghiệp trung cấp nghề, bằng tốt nghiệp cao đẳng nghề hoặc đã hoàn thành chương trình học nghề theo hợp đồng học nghề quy định tại Luật Dạy nghề;

d) Người đã được cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia theo quy định của Luật Việc làm;

đ) Người đã được cấp văn bằng, chứng chỉ giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng; đào tạo thường xuyên và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác theo quy định tại Luật Giáo dục nghề nghiệp;

e) Người đã được cấp bằng tốt nghiệp trình độ đào tạo của giáo dục đại học theo quy định tại Luật Giáo dục đại học;

g) Người đã được cấp văn bằng, chứng chỉ của cơ sở đào tạo nước ngoài;

h) Người đã được doanh nghiệp đào tạo nghề hoặc tự học nghề và được doanh nghiệp kiểm tra, bố trí làm công việc đòi hỏi phải qua đào tạo nghề.

3. Khi thực hiện mức lương tối thiểu vùng quy định tại Nghị định này, doanh nghiệp không được xoá bỏ hoặc cắt giảm các chế độ tiền lương khi người lao động làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm, làm việc trong điều kiện lao động nặng nhọc, độc hại, chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật đối với các chức danh nghề nặng nhọc, độc hại và các chế độ khác theo quy định của pháp luật lao động. Các khoản phụ cấp, bổ sung khác, trợ cấp, tiền thưởng do doanh nghiệp quy định thì thực hiện theo thoả thuận trong hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể hoặc trong quy chế của doanh nghiệp.

Điều 6. Hiệu lực thi hành và trách nhiệm thực hiện

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 01 năm 2018. Các quy định tại Nghị định này được thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2018. Nghị định số 153/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, doanh nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./,

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (2b).PC 204

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG



Nguyễn Xuân Phúc



Phụ lục

**DANH MỤC ĐỊA BÀN ÁP DỤNG MỨC LƯƠNG TỐI THIỂU
TÍNH TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2018**

(Kèm theo Nghị định số 141/2017/NĐ-CP
ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ)

1. Vùng I, gồm các địa bàn:

- Các quận và các huyện Gia Lâm, Đông Anh, Sóc Sơn, Thanh Trì, Thường Tín, Hoài Đức, Thạch Thất, Quốc Oai, Thanh Oai, Mê Linh, Chương Mỹ và thị xã Sơn Tây thuộc thành phố Hà Nội;

- Các quận và các huyện Thủy Nguyên, An Dương, An Lão, Vĩnh Bảo, Tiên Lãng thuộc thành phố Hải Phòng;

- Các quận và các huyện Củ Chi, Hóc Môn, Bình Chánh, Nhà Bè thuộc thành phố Hồ Chí Minh;

- Thành phố Biên Hòa, thị xã Long Khánh và các huyện Nhơn Trạch, Long Thành, Vĩnh Cửu, Trảng Bom thuộc tỉnh Đồng Nai;

- Thành phố Thủ Dầu Một, các thị xã Thuận An, Dĩ An, Bến Cát, Tân Uyên và các huyện Bàu Bàng, Bắc Tân Uyên thuộc tỉnh Bình Dương;

- Thành phố Vũng Tàu, huyện Tân Thành thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Vùng II, gồm các địa bàn:

- Các huyện còn lại thuộc thành phố Hà Nội;

- Các huyện còn lại thuộc thành phố Hải Phòng;

- Thành phố Hải Dương thuộc tỉnh Hải Dương;

- Thành phố Hưng Yên và các huyện Mỹ Hào, Văn Lâm, Văn Giang, Yên Mỹ thuộc tỉnh Hưng Yên;

- Thành phố Vĩnh Yên, thị xã Phúc Yên và các huyện Bình Xuyên, Yên Lạc thuộc tỉnh Vĩnh Phúc;

- Thành phố Bắc Ninh, thị xã Từ Sơn và các huyện Quế Võ, Tiên Du, Yên Phong, Thuận Thành thuộc tỉnh Bắc Ninh;

- Các thành phố Hạ Long, Cẩm Phả, Uông Bí, Móng Cái thuộc tỉnh Quảng Ninh;

- Các thành phố Thái Nguyên, Sông Công và thị xã Phổ Yên thuộc tỉnh Thái Nguyên;

- Thành phố Việt Trì thuộc tỉnh Phú Thọ;

- Thành phố Lào Cai thuộc tỉnh Lào Cai;

- Thành phố Nam Định và huyện Mỹ Lộc thuộc tỉnh Nam Định;

- Thành phố Ninh Bình thuộc tỉnh Ninh Bình;
 - Thành phố Huế thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế;
 - Các thành phố Hội An, Tam Kỳ thuộc tỉnh Quảng Nam;
 - Các quận, huyện thuộc thành phố Đà Nẵng;
 - Các thành phố Nha Trang, Cam Ranh thuộc tỉnh Khánh Hòa;
 - Các thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc thuộc tỉnh Lâm Đồng;
 - Thành phố Phan Thiết thuộc tỉnh Bình Thuận;
 - Huyện Cần Giờ thuộc Thành phố Hồ Chí Minh;
 - Thành phố Tây Ninh và các huyện Trảng Bàng, Gò Dầu thuộc tỉnh Tây Ninh;
 - Các huyện Định Quán, Xuân Lộc, Thống Nhất thuộc tỉnh Đồng Nai;
 - Các huyện còn lại thuộc tỉnh Bình Dương;
 - Thị xã Đồng Xoài và huyện Chơn Thành thuộc tỉnh Bình Phước;
 - Thành phố Bà Rịa thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
 - Thành phố Tân An và các huyện Đức Hòa, Bến Lức, Thủ Thừa, Cần Đước, Cần Giuộc thuộc tỉnh Long An;
 - Thành phố Mỹ Tho thuộc tỉnh Tiền Giang;
 - Các quận thuộc thành phố Cần Thơ;
 - Thành phố Rạch Giá, thị xã Hà Tiên và huyện Phú Quốc thuộc tỉnh Kiên Giang;
 - Các thành phố Long Xuyên, Châu Đốc thuộc tỉnh An Giang;
 - Thành phố Trà Vinh thuộc tỉnh Trà Vinh;
 - Thành phố Cà Mau thuộc tỉnh Cà Mau.
3. Vùng III, gồm các địa bàn:
- Các thành phố trực thuộc tỉnh còn lại (trừ các thành phố trực thuộc tỉnh nêu tại vùng I, vùng II);
 - Thị xã Chí Linh và các huyện Cẩm Giàng, Nam Sách, Kim Thành, Kinh Môn, Gia Lộc, Bình Giang, Tứ Kỳ thuộc tỉnh Hải Dương;
 - Các huyện Vĩnh Tường, Tam Đảo, Tam Dương, Lập Thạch, Sông Lô thuộc tỉnh Vĩnh Phúc;
 - Thị xã Phú Thọ và các huyện Phù Ninh, Lâm Thao, Thanh Ba, Tam Nông thuộc tỉnh Phú Thọ;
 - Các huyện Gia Bình, Lương Tài thuộc tỉnh Bắc Ninh;
 - Các huyện Việt Yên, Yên Dũng, Hiệp Hòa, Tân Yên, Lạng Giang thuộc tỉnh Bắc Giang;

- Các thị xã Quảng Yên, Đông Triều và huyện Hoành Bồ thuộc tỉnh Quảng Ninh;
 - Các huyện Bảo Thắng, Sa Pa thuộc tỉnh Lào Cai;
 - Các huyện còn lại thuộc tỉnh Hưng Yên;
 - Các huyện Phú Bình, Phú Lương, Đông Hỷ, Đại Từ thuộc tỉnh Thái Nguyên;
 - Huyện Lương Sơn thuộc tỉnh Hòa Bình;
 - Các huyện còn lại thuộc tỉnh Nam Định;
 - Các huyện Duy Tiên, Kim Bảng thuộc tỉnh Hà Nam;
 - Các huyện Gia Viễn, Yên Khánh, Hoa Lư thuộc tỉnh Ninh Bình;
 - Thị xã Bìn Sơn và huyện Tĩnh Gia thuộc tỉnh Thanh Hóa;
 - Thị xã Kỳ Anh thuộc tỉnh Hà Tĩnh;
-
- Các thị xã Hương Thủy, Hương Trà và các huyện Phú Lộc, Phong Điền, Quảng Điền, Phú Vang thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế;
 - Thị xã Điện Bàn và các huyện Đại Lộc, Duy Xuyên, Núi Thành, Quế Sơn, Thăng Bình, Phú Ninh thuộc tỉnh Quảng Nam;
 - Các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh thuộc tỉnh Quảng Ngãi;
 - Thị xã Sông Cầu và huyện Đông Hòa thuộc tỉnh Phú Yên;
 - Các huyện Ninh Hải, Thuận Bắc thuộc tỉnh Ninh Thuận;
 - Thị xã Ninh Hòa và các huyện Cam Lâm, Diên Khánh, Vạn Ninh thuộc tỉnh Khánh Hòa;
 - Huyện Đăk Hà thuộc tỉnh Kon Tum;
 - Các huyện Đức Trọng, Di Linh thuộc tỉnh Lâm Đồng;
 - Thị xã La Gi và các huyện Hàm Thuận Bắc, Hàm Thuận Nam thuộc tỉnh Bình Thuận;
 - Các thị xã Phước Long, Bình Long và các huyện Đồng Phú, Hớn Quản, Lộc Ninh, Phú Riềng thuộc tỉnh Bình Phước;
 - Các huyện còn lại thuộc tỉnh Tây Ninh;
 - Các huyện còn lại thuộc tỉnh Đồng Nai;
 - Các huyện Long Điền, Đất Đỏ, Xuyên Mộc, Châu Đức, Côn Đảo thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
 - Thị xã Kiến Tường và các huyện Đức Huệ, Châu Thành, Tân Trụ, Thạnh Hóa thuộc tỉnh Long An;
 - Các thị xã Gò Công, Cai Lậy và các huyện Châu Thành, Chợ Gạo thuộc tỉnh Tiền Giang;
 - Huyện Châu Thành thuộc tỉnh Bến Tre;

- Thị xã Bình Minh và huyện Long Hồ thuộc tỉnh Vĩnh Long;
 - Các huyện thuộc thành phố Cần Thơ;
 - Các huyện Kiên Lương, Kiên Hải, Châu Thành thuộc tỉnh Kiên Giang;
 - Thị xã Tân Châu và các huyện Châu Phú, Châu thành, Thoại Sơn thuộc tỉnh An Giang;
 - Thị xã Ngã Bảy và các huyện Châu Thành, Châu Thành A thuộc tỉnh Hậu Giang;
 - Thị xã Duyên Hải thuộc tỉnh Trà Vinh;
 - Thị xã Giá Rai thuộc tỉnh Bạc Liêu;
 - Các thị xã Vĩnh Châu, Ngã Năm thuộc tỉnh Sóc Trăng;
 - Các huyện Năm Căn, Cái Nước, U Minh, Trần Văn Thời thuộc tỉnh Cà Mau.
4. Vùng IV, gồm các địa bàn còn lại./.